

Số: 262 /PP-TCKT
No.: 262 /PP-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, 28 August 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
REGULAR DISCLOSURE OF INFORMATION ON FINANCIAL REPORTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **Tổng Công Ty Cổ phần Phong Phú** (MCK: PPH) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Phong Phu Corporation (Stock code: PPH) would like to disclose the reviewed interim financial statements for the first six months of fiscal year 2026 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ Name of Organization: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ/ Phong Phu Corporation

- Mã chứng khoán/ Stock code: PPH
- Địa chỉ/ Address: 48 Tầng Nhon Phú, Phường Tăng Nhon Phú, Tp. HCM/ No. 48 Tang Nhon Phu Street, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Điện thoại liên hệ/ Tel: 02822101693
- Website: www.phongphucorp.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

- **BCTC bán niên soát xét năm 2026** theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm/ *Reviewed interim financial statements for the first six months of fiscal year 2026 in accordance with Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC, including:*

☐ BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ *Separate Interim Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);*

☐ BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con)/ *Consolidated Interim Financial Statements (Listed organizations have subsidiaries);*

☒ BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *Combined Interim Financial Statements (Listed organizations has an accounting units directly under its own accounting system).*

- **Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ Cases in which the cause must be explained:**



+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC bán niên soát xét năm 2026 / *The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for reviewed interim financial statements for the first six months of fiscal year 2026:*

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên soát xét năm 2026)/ *Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for reviewed interim financial statements for the first six months of fiscal year 2026):*

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?/ *The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year?*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại? / *The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa?*

☐ Có/ Yes

☒ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

☐ Có/ Yes

☐ Không/ No

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 28/08/2026 tại đường dẫn/ *This information was published on the Company's website on 28 August 2026 at the link: <http://www.phongphucorp.com/shareholder/bao-cai-tai-chinh.html>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./ *We hereby commit that the information published above is true and take full responsibility before the law for the content of the published information.*

Đại diện tổ chức/ Organization Representative

Người đại diện theo pháp luật/ *Legal Representative*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(*Signature, full name, position, and company seal*)

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL DIRECTOR



DƯƠNG KHUÊ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
5. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
8. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 53
9. Phụ lục	54 - 58



THÔNG TIN CHUNG**Khái quát về Tổng Công ty**

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 20 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (028) 66 847 979
- Fax : +84 (028) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km 1447, Quốc lộ 1A, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Ninh Thuận – Nhà máy Sợi Ninh Phú	Thôn Hạnh Trí, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Dương Khuê	Ủy viên
Ông Phạm Phú Chung	Ủy viên
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Ủy viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên
Ông Lê Hồng Lĩnh	Thành viên

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ
Ông Dương Khuê	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lý Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành
Ông Đoàn Kiên	Giám đốc điều hành
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc điều hành

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dương Khuê – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định là công ty kiểm toán của Tổng Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Dương Khắc
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2026



Số: 1.1362/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ về việc chuyển nhượng Dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng theo phán quyết ngày 18 tháng 12 năm 2021 và phúc thẩm ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, đồng thời đã bàn giao tài sản dự án, các hóa đơn có liên quan cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV. Hiện tại Tổng Công ty đang phối hợp với Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án theo hướng dẫn của các cơ quan ban ngành và quy định pháp luật hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hoàng Thái Vượng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2026



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.144.979.311.756	1.061.567.519.205
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.010.965.060	40.169.698.283
1. Tiền	111		38.010.965.060	20.169.698.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		478.002.511.168	430.721.706.198
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	478.002.511.168	430.721.706.198
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		493.519.511.155	443.909.740.564
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	406.228.696.216	358.748.494.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.180.610.323	9.885.451.867
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	110.529.258.173	109.689.747.797
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(32.419.931.943)	(34.414.831.946)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		878.386	878.386
IV. Hàng tồn kho	140		134.900.057.995	141.719.447.600
1. Hàng tồn kho	141	V.7	136.329.951.138	143.183.469.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.7	(1.429.893.143)	(1.464.022.160)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		546.266.378	5.046.926.560
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	324.266.868	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	1.170.812.893
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.16	221.999.510	3.876.113.667
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.510.831.975.686	1.541.614.664.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		128.186.368.441	127.550.998.510
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	128.186.368.441	127.550.998.510
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		672.431.219.516	703.048.125.884
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	672.340.755.833	702.951.631.295
- Nguyên giá	222		1.929.508.938.071	1.911.695.281.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.257.168.182.238)	(1.208.743.650.657)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	90.463.683	96.494.589
- Nguyên giá	228		583.927.273	583.927.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(493.463.590)	(487.432.684)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		4.141.099.556	9.514.662.040
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	4.141.099.556	9.514.662.040
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		697.537.455.730	695.970.858.731
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	258.850.000.000	258.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	371.267.159.796	371.267.159.796
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	107.581.427.637	107.581.427.637
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(40.161.131.703)	(41.727.728.702)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		8.535.832.443	5.530.019.742
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	8.535.832.443	5.530.019.742
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.655.811.287.442	2.603.182.184.112

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		821.474.231.786	977.997.957.251
I. Nợ ngắn hạn	310		643.004.223.769	786.761.759.171
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	212.472.553.133	216.567.533.082
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	115.584.222.170	119.521.996.176
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.15	685.113.735	685.113.735
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.16	12.585.193.745	2.986.756.875
5. Phải trả người lao động	315	V.17	22.707.484.824	41.537.476.894
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	5.105.930.947	3.893.383.288
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.19a	4.025.127.057	4.099.518.119
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.20a,c	44.789.375.606	21.557.520.195
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.21a,c	126.188.555.713	295.421.698.439
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.22	62.473.188.366	62.473.188.366
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	36.387.478.473	18.017.574.002
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		178.470.008.017	191.236.198.080
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.19b	15.359.658.225	17.075.497.775
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.20b,c	13.529.406.000	13.999.742.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.21b,c	149.580.943.792	160.160.958.305
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.834.337.055.656	1.625.184.226.861
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.24	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	37.335.440.000	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	558.150.904.476	492.173.636.476
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	459.773.525.179	353.933.404.384
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		136.808.424.384	353.933.404.384
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		322.965.100.795	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.655.811.287.442	2.603.182.184.112

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Thị Thúy
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởngĐương Khuê
Người đại diện theo pháp luật

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	812.571.682.052	874.361.643.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	296.583.485	105.229.034
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		812.275.098.567	874.256.414.900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	660.574.667.277	751.727.302.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		151.700.431.290	122.529.112.083
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	283.053.751.163	260.895.027.267
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	5.019.029.483	26.709.156.410
Trong đó: chi phí đi vay	24		6.223.115.314	16.826.155.881
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	7.735.301.312	8.746.170.385
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	89.968.052.657	98.965.757.751
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		332.031.799.001	249.003.054.804
12. Thu nhập khác	31	VI.8	588.658.856	270.109.825
13. Chi phí khác	32	VI.9	15.698.813	1.410.929.779
14. Lợi nhuận khác	40		572.960.043	(1.140.819.954)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		332.604.759.044	247.862.234.850
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	9.472.991.583	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		323.131.767.461	247.862.234.850
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thị Thúy
Người lậpLê Thị Tú Anh
Kế toán trưởngĐương Khuê
Người đại diện theo pháp luật

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		332.604.759.044	247.862.234.850
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	48.430.562.487	49.505.212.417
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, 6, 7	(3.595.626.019)	1.182.670.230
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, 5	(590.658.544)	15.658.465.645
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(281.924.461.465)	(259.824.124.546)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	6.223.115.314	16.826.155.881
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.147.690.817	71.210.614.477
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(41.827.175.213)	(260.495.529.139)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.853.518.622	203.628.694.353
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.367.207.703)	10.458.477.961
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(3.330.079.569)	(291.993.276)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.20a; 21a; VI.5;	(7.103.391.955)	(22.688.972.324)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(3.000.000.000)	(29.729.199)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23, 24	(20.938.143.195)	(15.756.526.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.435.211.804	(13.964.963.825)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11, VII	(11.521.999.943)	(51.841.092.006)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(464.332.640.586)	(451.015.409.106)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	417.051.835.616	495.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.5b	(635.369.931)	(14.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4; VII	282.643.928.513	200.407.527.735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		223.205.753.669	178.151.026.623



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

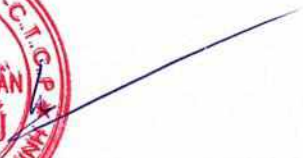
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a	46.026.542.992	16.951.442.907
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a	(226.152.611.527)	(36.997.765.487)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, 24	(74.670.891.000)	(141.111.854.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(254.796.959.535)	(161.158.177.355)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.155.994.062)	3.027.885.443
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40.169.698.283	48.821.827.874
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.739.161)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	38.010.965.060	51.849.713.317

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Thị Thúy
Người lập
Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng
Dương Khuê
Người đại diện theo pháp luật

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	Thôn Hạnh Trí, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may	90%	90%	90%
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú (*)	48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	76,59%	76,59%	96,33%

- (*) Theo điều lệ của Công ty Cổ phần Nam Dương Phú, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú với tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ lợi ích là 48% và Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú đầu tư vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú với tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ lợi ích là 10%. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dương Phú chưa thực hiện góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký nên tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Nam Dương Phú tương ứng theo tỷ lệ góp vốn trực tiếp là 76,59%. Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 76,59% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú là 19,74%.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,65%	30,00%	35,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	159 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	09 Phù Đồng Thiên Vương, phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	117 Cống Quỳnh, phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,71%	31,71%	31,71%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	47,64%	47,64%	47,64%
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	727 Âu Cơ, phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	35,99%	35,99%	35,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Km 1447, Quốc lộ 1A, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	23,89%	23,89%	23,89%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km 1447, Quốc lộ 1A, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Ninh Thuận – Nhà máy Sợi Ninh Phú	Thôn Hạnh Trí, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty có 689 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 663 nhân viên).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Tổng Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "PPH" theo Quyết định số 626/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 8 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc được phân cấp lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các giao dịch nội bộ, số dư nội bộ giữa Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc, giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của từng ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chi tiêu này mà trình bày tại chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản được nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Tổng Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Tổng Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại cùng thời điểm. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Tổng Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tổng Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tổng Công ty như sau:

Quyền sử dụng đất

Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là khoản tiền đã thanh toán cho phần đất nhận chuyển nhượng đang được Tổng Công ty sử dụng. Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích ước tính không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích ước tính không quá 03 năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 – 05 năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Tổng Công ty là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với BCC có quyền đồng kiểm soát

Tùy theo bản chất và hình thức của hợp đồng, Tổng Công ty áp dụng phương pháp kế toán phù hợp cho một trong ba hình thức đồng kiểm soát sau:

BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Tổng Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của mình:

- Phần giá trị tài sản đồng kiểm soát được hưởng (phân loại theo tính chất tài sản).
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng và phần nợ phải trả chung phải gánh chịu.
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia.
- Các khoản chi phí phát sinh được phân chia từ BCC.

BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động hợp tác này không dẫn đến việc thành lập cơ sở kinh doanh mới. Tổng Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của mình:

- Các tài sản do Tổng Công ty kiểm soát.
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của BCC.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp hợp đồng BCC quy định chia sản phẩm, định kỳ Tổng Công ty nhận sản phẩm được chia căn cứ vào Bảng phân chia sản phẩm và Phiếu giao nhận sản phẩm do bên kế toán cho BCC lập, làm căn cứ ghi nhận giá trị sản phẩm được chia vào hàng tồn kho hoặc tài sản phù hợp.

BCC theo hình thức chia lợi nhuận sau thuế

Các bên chỉ được phân chia lợi nhuận nếu BCC có lãi và phải gánh chịu lỗ nếu BCC bị lỗ.

Trường hợp Tổng Công ty được chỉ định là bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC, Tổng Công ty ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh của BCC vào sổ kế toán để xác định kết quả và nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, Tổng Công ty chỉ ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ phần doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ Tổng Công ty được hưởng hoặc phải gánh chịu.

Trường hợp Tổng Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC, Tổng Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC căn cứ vào Bảng phân bổ doanh thu, chi phí chung do bên chịu trách nhiệm kế toán cho BCC thông báo.

Xử lý khi BCC đồng kiểm soát chấm dứt hoặc Tổng Công ty rút khỏi BCC

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát và hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát: tài sản và nợ phải trả được chia ghi nhận theo giá trị thỏa thuận tại thời điểm thanh lý; chênh lệch so với giá trị ghi sổ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Đối với BCC theo hình thức chia lợi nhuận sau thuế: bên kế toán thực hiện tất toán toàn bộ tài sản, nợ phải trả của BCC trên sổ kế toán, xác định kết quả thanh lý và phân bổ cho các bên tham gia theo tỷ lệ thỏa thuận trong hợp đồng. Phần kết quả thanh lý được chia cho Tổng Công ty được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tổng Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

14. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chờ phân bổ không bao gồm: các khoản tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các khoản doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền Tổng Công ty sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả của Tổng Công ty là khoản tổn thất từ chuyển nhượng dự án.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành từ chia cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ và đang trong giai đoạn cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Tổng Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tổng Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tổng Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Tổng Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo số thuế tự xác định. Cuối năm tài chính, Tổng Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Tổng Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Tổng Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Tổng Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tổng Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.570.645.347	2.177.865.421
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.440.319.713	17.991.832.862
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	11.607.787.065	11.219.089.733
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	16.852.983.841	1.117.833.699
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	4.855.159.148	2.616.817.569
- Các ngân hàng khác	3.124.389.659	3.038.091.861
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 40 ngày tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	20.000.000.000
Cộng	38.010.965.060	40.169.698.283



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	113.000.000.000	113.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	88.500.000.000	88.500.000.000	-	110.000.000.000	110.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	75.000.000.000	75.000.000.000	-	95.000.000.000	95.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	61.700.000.000	61.700.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	59.802.511.168	59.802.511.168	-	65.721.706.198	65.721.706.198	-
Cộng	478.002.511.168	478.002.511.168	-	430.721.706.198	430.721.706.198	-

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	258.850.000.000	258.850.000.000	-	258.850.000.000	258.850.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú ⁽ⁱ⁾	220.050.000.000	220.050.000.000	-	220.050.000.000	220.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú ⁽ⁱⁱ⁾	38.800.000.000	38.800.000.000	-	38.800.000.000	38.800.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	371.267.159.796	364.466.643.559	(6.800.516.237)	371.267.159.796	362.180.698.770	(9.086.461.026)
Công ty TNHH Coats Phong Phú ⁽ⁱⁱⁱ⁾	85.253.638.578	85.253.638.578	-	85.253.638.578	85.253.638.578	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn ^(iv)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt ^(v)	6.769.616.000	6.769.616.000	-	6.769.616.000	6.769.616.000	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú ^(vi)	6.800.516.237	-	(6.800.516.237)	6.800.516.237	-	(6.800.516.237)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức ^(vii)	144.586.200.608	144.586.200.608	-	144.586.200.608	144.586.200.608	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam ^(viii)	46.888.561.208	46.888.561.208	-	46.888.561.208	46.888.561.208	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang ^(ix)	70.968.627.165	70.968.627.165	-	70.968.627.165	68.682.682.376	(2.285.944.789)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	107.581.427.637	74.220.812.171	(33.360.615.466)	107.581.427.637	74.940.159.961	(32.641.267.676)
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An ^(x)	13.027.052.451	9.814.298.445	(3.212.754.006)	13.027.052.451	10.123.431.264	(2.903.621.187)
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương ^(xi)	32.288.540.334	22.389.440.505	(9.899.099.829)	32.288.540.334	22.389.440.505	(9.899.099.829)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định ^(xii)	12.533.634.095	12.533.634.095	-	12.533.634.095	12.533.634.095	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá gốc	Số cuối kỳ Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Số đầu năm Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú ^(xiii)	5.852.355.319	-	(5.852.355.319)	5.852.355.319	-	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam ^(xiv)	1.337.103.882	560.799.175	(776.304.707)	1.337.103.882	560.799.175	(776.304.707)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam ^(xv)	11.282.879.453	2.460.640.000	(8.822.239.453)	11.282.879.453	2.870.854.970	(8.412.024.483)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá ^(xvi)	2.984.184.383	-	(2.984.184.383)	2.984.184.383	-	(2.984.184.383)
Công ty Cổ phần Hưng Phú ^(xvii)	1.813.677.769	-	(1.813.677.769)	1.813.677.769	1	(1.813.677.768)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định ^(xviii)	9.151.690.000	9.151.690.000	-	9.151.690.000	9.151.690.000	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc ^(xix)	3.216.754.481	3.216.754.481	-	3.216.754.481	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú ^(xx)	14.093.555.470	14.093.555.470	-	14.093.555.470	14.093.555.470	-
Cộng	737.698.587.433	697.537.455.730	(40.161.131.703)	737.698.587.433	695.970.858.731	(41.727.728.702)

- (i) Tổng Công ty nắm giữ 14.400.000 cổ phiếu, tương đương 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú.
- (ii) Tổng Công ty nắm giữ 3.880.000 cổ phiếu, tương đương 76,59% vốn đã góp của Công ty Cổ phần Nam Dương Phú. Vốn điều lệ Tổng Công ty còn phải góp vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú là 9.200.000.000 VND.
- (iii) Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú 85.253.638.578 VND, tương đương 35,65% vốn điều lệ.
- (iv) Tổng Công ty đầu tư 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn tương đương 21,51% vốn điều lệ.
- (v) Tổng Công ty đầu tư 423.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần May Đà Lạt tương đương 40,00% vốn điều lệ.
- (vi) Tổng Công ty đầu tư 634.192 cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú tương đương 31,71% vốn điều lệ.
- (vii) Tổng Công ty đầu tư 12.519.778 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức tương đương 47,64% vốn điều lệ.
- (viii) Tổng Công ty đầu tư 4.331.572 cổ phiếu, tương đương 35,99% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam.
- (ix) Tổng Công ty đầu tư 5.614.375 cổ phiếu, tương đương 23,89% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang.
- (x) Tổng Công ty đầu tư 1.301.424 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An tương đương 11,72% vốn điều lệ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (xi) Tổng Công ty đầu tư 2.999.772 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương tương đương 12,74% vốn điều lệ.
- (xii) Tổng Công ty đầu tư 880.808 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định tương đương 2,33% vốn điều lệ.
- (xiii) Tổng Công ty đầu tư 600.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú tương đương 10,91% vốn điều lệ.
- (xiv) Tổng Công ty đầu tư 130.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Len Việt Nam tương đương 2,02% vốn điều lệ.
- (xv) Tổng Công ty đầu tư 1.126.228 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam tương đương 23,66% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam đang tạm ngưng kinh doanh và làm thủ tục giải thể.
- (xvi) Tổng Công ty đầu tư 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá tương đương 2,25% vốn điều lệ.
- (xvii) Tổng Công ty đầu tư 180.100 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hưng Phú tương đương 6,00% vốn điều lệ.
- (xviii) Tổng Công ty đầu tư 991.012 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định tương đương 12,04% vốn điều lệ.
- (xix) Tổng Công ty đầu tư 30.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phước Lộc tương đương 15,79% vốn điều lệ.
- (xx) Tổng Công ty đầu tư 2.400.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú tương đương 16,34% vốn điều lệ.

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư có thể xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu bên được đầu tư là công ty mẹ) hoặc Báo cáo tài chính riêng (nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con) tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị có thể thu hồi ước tính tối đa bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Tình hình hoạt động của công ty con và các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú đã ngừng hoạt động. Công ty con và các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	41.727.728.702	56.954.631.244
Hoàn nhập dự phòng	(1.566.596.999)	(6.035.255.508)
Số cuối kỳ	40.161.131.703	50.919.375.736

Giao dịch với công ty con và các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.2b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	356.524.495.263	(9.930.807.340)	314.215.291.331	(11.930.807.340)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	313.774.484.817	-	281.676.531.142	-
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	21.154.128.062	-	9.030.256.773	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	9.930.807.340	(9.930.807.340)	11.930.807.340	(11.930.807.340)
Công ty Cổ phần Phước Lộc	7.585.237.574	-	5.568.007.119	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	1.475.754.936	-	803.561.279	-
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú	1.270.228.876	-	2.597.367.157	-
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	544.521.827	-	144.930.995	-
Công ty Cổ phần Sinnika Việt Nam	412.269.015	-	438.106.108	-
Công ty TNHH MTV Dệt vải Vinatex Quốc tế	377.062.816	-	2.025.723.418	-
Phải thu các khách hàng khác	49.704.200.953	(2.654.815.335)	44.533.203.129	(2.649.715.338)
Cộng	406.228.696.216	(12.585.622.675)	358.748.494.460	(14.580.522.678)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú (là bên liên quan)	11.354.580	-	-	-
Timtex Trading Co., Ltd.	2.267.544.586	-	-	-
COFCO International Singapore Pte. Ltd.	1.773.994.503	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vận tải Du lịch Hoàng Việt	1.170.000.000	-	-	-
Opportunity Growth Int'l Ltd.	612.641.840	-	1.208.861.882	-
Natex Limited	-	-	1.299.027.120	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ điện Tân Thịnh Phát	-	-	1.000.932.778	-
Các nhà cung cấp khác	3.345.074.814	(300.000.000)	6.376.630.087	(300.000.000)
Cộng	9.180.610.323	(300.000.000)	9.885.451.867	(300.000.000)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	1.267.930.645	-	305.162.320	-
Công ty TNHH MTV Dệt vải Vinatex Quốc tế – Lãi tiền thuê tài sản	844.828.934	-	305.162.320	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt – Cổ tức được chia	423.101.711	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	109.261.327.528	(19.534.309.268)	109.384.585.477	(19.534.309.268)
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV:	94.500.967.262	(16.291.758.178)	98.774.188.174	(16.291.758.178)
- Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Dự án Láng Le – Bàu Cò ⁽ⁱ⁾	43.532.895.759	(16.291.758.178)	43.532.895.759	(16.291.758.178)
- Phải thu do thu hồi hóa đơn và hủy hợp đồng chuyển nhượng Dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	50.968.071.503	-	55.241.292.415	-
Tạm ứng cho nhân viên	8.317.163.317	-	4.371.493.142	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	108.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.335.196.949	(3.242.551.090)	6.238.904.161	(3.242.551.090)
Cộng	110.529.258.173	(19.534.309.268)	109.689.747.797	(19.534.309.268)

- (i) Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 279/TB-VP nêu kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Võ Văn Hoan về việc thống nhất chủ trương Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV không tiếp tục thực hiện dự án và giao cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đàm phán, chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty. Ngày 26 tháng 5 năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 4046/STNMT-QLĐ báo cáo với Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thu hồi đất dự án và bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh (nay là Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi).

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 1923/QĐ-UBND về việc thu hồi đất dự án Cụm công nghiệp Láng Le – Bàu Cò. Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đang làm việc và thống nhất chi phí đầu tư dở dang vốn góp chia sẻ và công nợ tồn tại của các bên để báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố TP. Hồ Chí Minh, xin ý kiến chỉ đạo.

- (ii) Năm 2025, Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV thống nhất thu hồi/hoàn trả hóa đơn và xử lý tài chính liên quan đến việc hủy Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã điều chỉnh chi phí dở dang dự án sang khoản mục Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác với giá trị hợp tác kinh doanh Dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh và công nợ còn phải thu Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, Tổng Công ty đã phát hành Công văn số 37/PP-TCKT gửi Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đề nghị hoàn trả số tiền 4.273.220.912 VND liên quan đến việc thu hồi/hoàn trả hóa đơn nêu trên. Ngày 12 tháng 02 năm 2026, Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đã thanh toán đầy đủ số tiền này cho Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản tiền hợp tác kinh doanh Dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh với Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 52/HĐHT-TCT ngày 31 tháng 10 năm 2008.

6. Nợ quá hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan	9.930.807.340	-	11.930.807.340	-
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	9.930.807.340	-	11.930.807.340	-
Các tổ chức và cá nhân khác	49.730.262.184	27.241.137.581	49.793.117.824	27.309.093.218
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV	43.532.895.759	27.241.137.581	43.532.895.759	27.241.137.581
Các tổ chức và cá nhân khác	6.197.366.425	-	6.260.222.065	67.955.637
Cộng	59.661.069.524	27.241.137.581	61.723.925.164	27.309.093.218

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	34.414.831.946	35.491.061.945
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(1.994.900.003)	7.217.925.738
Số cuối kỳ	32.419.931.943	42.708.987.683

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	4.289.594.478	-
Nguyên liệu, vật liệu	60.903.413.004	(1.418.456.177)	40.313.690.114	(1.418.456.177)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.344.965.990	-	23.287.553.070	-
Thành phẩm	39.325.822.645	(11.436.966)	59.276.360.120	(45.565.983)
Hàng hóa	13.755.749.499	-	16.016.271.978	-
Cộng	136.329.951.138	(1.429.893.143)	143.183.469.760	(1.464.022.160)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.464.022.160	1.427.844.877
Hoàn nhập dự phòng	(34.129.017)	-
Số cuối kỳ	1.429.893.143	1.427.844.877

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập do thành phẩm đã trích lập dự phòng năm trước được tiêu thụ hết trong kỳ này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí chờ phân bổ

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	312.266.868	-
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	12.000.000	-
Cộng	324.266.868	-

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	1.714.285.680	2.448.979.560
Chi phí sửa chữa	2.243.378.310	2.715.599.844
Công cụ, dụng cụ	4.578.168.453	365.440.338
Cộng	8.535.832.443	5.530.019.742

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	567.738.361.322	1.302.854.635.496	28.886.481.681	12.215.803.453	1.911.695.281.952
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	14.916.516.095	2.897.140.024	-	17.813.656.119
Số cuối kỳ	567.738.361.322	1.317.771.151.591	31.783.621.705	12.215.803.453	1.929.508.938.071
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	58.082.608.697	472.370.408.211	9.362.500.864	3.313.387.883	543.128.905.655
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	250.288.500.211	932.263.653.251	18.887.457.682	7.304.039.513	1.208.743.650.657
Khấu hao trong kỳ	11.748.680.389	34.957.660.090	1.359.975.160	358.215.942	48.424.531.581
Số cuối kỳ	262.037.180.600	967.221.313.341	20.247.432.842	7.662.255.455	1.257.168.182.238
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	317.449.861.111	370.590.982.245	9.999.023.999	4.911.763.940	702.951.631.295
Số cuối kỳ	305.701.180.722	350.549.838.250	11.536.188.863	4.553.547.998	672.340.755.833
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Xưởng chuẩn bị và hoàn tất vải Denim	103.789.998.906	27.572.766.210	76.217.232.696
Tài sản cố định hữu hình khác	1.825.718.939.165	1.229.595.416.028	596.123.523.137
Cộng	1.929.508.938.071	1.257.168.182.238	672.340.755.833

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 280.501.984.436 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty với Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	583.927.273	487.432.684	96.494.589
Khấu hao trong kỳ		6.030.906	
Số cuối kỳ	583.927.273	493.463.590	90.463.683

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 403.000.000 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí chờ phân bổ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	9.066.480.222	7.239.749.386	(14.916.516.095)	(84.590.161)	1.305.123.352
Các tài sản ở Nhà xưởng Ninh Phú	622.296.207	5.921.875.702	(5.489.070.210)	(84.590.161)	970.511.538
Các tài sản khác	8.444.184.015	1.317.873.684	(9.427.445.885)	-	334.611.814
Xây dựng cơ bản dở dang	448.181.818	5.526.116.228	(2.897.140.024)	(241.181.818)	2.835.976.204
Dự án phòng cháy chữa cháy	-	2.835.976.204	-	-	2.835.976.204
Các dự án khác	448.181.818	2.690.140.024	(2.897.140.024)	(241.181.818)	-
Cộng	9.514.662.040	12.765.865.614	(17.813.656.119)	(325.771.979)	4.141.099.556

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, cụ thể như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí phải trả	-	3.893.383.288
Dự phòng phải trả	62.473.188.366	62.473.188.366
Cộng	62.473.188.366	66.366.571.654

Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	191.548.906.492	198.741.061.082
Công ty TNHH Coats Phong Phú	156.769.332.380	167.140.071.222
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	28.939.249.534	28.253.247.978
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3.862.610.152	1.653.490.832
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	1.939.914.426	1.409.350.943
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	37.800.000	53.488.507
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú	-	231.411.600
Phải trả các nhà cung cấp khác	20.923.646.641	17.826.472.000
Cộng	212.472.553.133	216.567.533.082

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thu của khách hàng liên quan đến chuyển nhượng các căn nhà liên kế Dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số VIII.7)	115.401.827.748	115.401.827.748
Các khách hàng khác	182.394.422	4.120.168.428
Cộng	115.584.222.170	119.521.996.176

15. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	46.456.987	-	7.440.276.568	(5.130.059.931)	2.356.673.624	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	875.682.513	(875.682.513)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	120.890.466	(135.120.961)	-	14.230.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	207.769.015	9.472.991.583	(3.000.000.000)	6.472.991.583	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	2.931.319.728	-	10.225.749.181	(9.410.781.491)	3.746.287.418	-
Thuế tài nguyên	8.980.160	-	81.258.170	(80.997.210)	9.241.120	-
Tiền thuê đất	-	3.668.344.652	40.444.550.540	(36.776.205.888)	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	60.081.256	(60.081.256)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	315.270	(315.270)	-	-
Cộng	2.986.756.875	3.876.113.667	68.721.795.547	(55.469.244.520)	12.585.193.745	221.999.510

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê; kinh doanh sợi, xơ	10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm	5%
- Doanh thu xuất khẩu	0%
- Doanh thu bán bông chưa qua chế biến	Không tính thuế

Năm 2026, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	332.604.759.044	247.862.234.850
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.104.291.130	42.676.972.770
- Các khoản điều chỉnh giảm	(20.920.137.550)	(537.815.813)
Thu nhập chịu thuế	314.788.912.624	290.001.391.807
Thu nhập được miễn thuế	(267.423.954.711)	(247.724.599.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(42.276.792.807)
Thu nhập tính thuế	47.364.957.913	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.472.991.583	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tổng Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất

Tổng Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tiện ích	3.622.462.944	2.774.293.010
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.483.468.003	1.119.090.278
Cộng	5.105.930.947	3.893.383.288

19. Doanh thu chờ phân bổ

19a. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chờ phân bổ của bên liên quan	3.157.462.000	3.157.462.000
Công ty TNHH Coats Phong Phú – Tiền nhận trả trước về cho thuê tài sản cố định	3.157.462.000	3.157.462.000
Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các tổ chức	867.665.057	942.056.119
Cộng	4.025.127.057	4.099.518.119



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chờ phân bổ của bên liên quan	12.629.847.970	14.208.578.980
Công ty TNHH Coats Phong Phú – Tiền nhận trả trước về cho thuê tài sản cố định	12.629.847.970	14.208.578.980
Doanh thu chờ phân bổ liên quan đến tổ chức khác	2.729.810.255	2.866.918.795
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vĩnh Phương – Chi phí đầu tư mở rộng xưởng Dệt Denim 1	2.729.810.255	2.866.918.795
Cộng	15.359.658.225	17.075.497.775

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	7.518.997.250	880.200.519
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Lãi vay phải trả	775.850.250	880.200.519
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương – Lợi nhuận phải trả	6.743.147.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	37.270.378.356	20.677.319.676
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư An Tâm – nhận góp vốn hợp tác kinh doanh	19.500.000.000	19.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Phải trả thanh toán L/C	15.759.825.530	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	600.306.000	96.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.410.246.826	1.081.319.676
Cộng	44.789.375.606	21.557.520.195

20b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	5.226.000.000	5.226.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương – Nhận góp vốn dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	8.303.406.000	8.773.742.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.303.406.000	8.773.742.000
Cộng	13.529.406.000	13.999.742.000

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vay

21a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan</i>	<i>19.577.431.126</i>	<i>18.709.723.616</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.21b)	19.577.431.126	18.709.723.616
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>106.611.124.587</i>	<i>276.711.974.823</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	46.018.757.992	208.988.383.168
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.994.613.788	49.859.047.785
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	60.819.966.081
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	25.839.548.587	98.309.369.302
Ngân hàng TMCP Á Châu	12.184.595.617	-
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	60.592.366.595	67.723.591.655
Cộng	126.188.555.713	295.421.698.439

(i) Khoản vay các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh.

(ii) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

21b. Vay dài hạn

Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam (là bên liên quan) để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.9).

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	19.577.431.126	18.709.723.616
Trên 01 năm đến 05 năm	100.541.007.808	96.084.828.355
Trên 05 năm	49.039.935.984	64.076.129.950
Cộng	169.158.374.918	178.870.681.921

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Tập đoàn Dệt may Việt Nam như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	160.160.958.305	516.330.778.162
Chênh lệch tỷ giá	(517.837.095)	15.066.477.817
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(10.062.177.418)	(9.030.849.777)
Số cuối kỳ	149.580.943.792	522.366.406.202

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Năm 2021, căn cứ theo nội dung phán quyết của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 12 năm 2021 về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng Dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND. Theo đó, mức dự phòng phải trả tổn thất được dựa trên diện tích 9.568 m² đất (tương ứng diện tích phần đất liên kế đã huy động vốn và ký hợp đồng chuyển nhượng) và tỷ lệ tổn thất là 28% phần vốn góp của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	9.946.656.868	15.494.317.000	(9.293.589.087)	16.147.384.781
Quỹ phúc lợi	1.996.429.915	1.000.000.000	(649.887.442)	2.346.542.473
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.074.487.219	22.647.064.000	(10.828.000.000)	17.893.551.219
Cộng	18.017.574.002	39.141.381.000	(20.771.476.529)	36.387.478.473

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	746.708.910.000	746.708.910.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2026 ngày 21 tháng 5 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối	Đã tạm ứng cổ tức trong năm trước	Số trích trong kỳ này
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	186.677.227.500	112.006.336.500	74.670.891.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	37.335.440.000	-	37.335.440.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	65.977.268.000	-	65.977.268.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.494.317.000	-	16.494.317.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và kinh phí ngoại giao (3%)	12.370.738.000	-	12.370.738.000
• Trích thưởng vượt kế hoạch (10% lợi nhuận vượt kế hoạch)	10.276.326.000	-	10.276.326.000

Theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 233/BC-PP, Thông báo số 234/TB-PP ngày 11 tháng 8 năm 2026 và văn bản số 7826/UBCK-QLCB ngày 14 tháng 8 năm 2026, Tổng Công ty đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho năm tài chính 2025 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số lượng cổ phiếu sau phát hành tăng từ 74.670.891 cổ phiếu lên 78.404.225 cổ phiếu phổ thông. Tổng Công ty đang thực hiện cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ.

25. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

25a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	806.561,52	197.559,81
Euro (EUR)	254,19	259,28

25b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Máy móc và thiết bị	279.691.583.789	310.031.836.317
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	542.478.791	678.098.489
Thiết bị, dụng cụ quản lý	267.921.856	309.140.608
Cộng	280.501.984.436	311.019.075.414

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam (là bên liên quan) để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	382.342.781.877	365.953.578.293
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	430.228.900.175	508.408.065.641
Cộng	812.571.682.052	874.361.643.934

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VIII.2b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	303.142.657.002	295.579.218.781
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	357.466.139.292	456.148.084.036
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.129.017)	-
Cộng	660.574.667.277	751.727.302.817

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.587.697	28.675.226
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.500.506.754	12.099.525.546
Cổ tức, lợi nhuận được chia	267.423.954.711	247.724.599.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	512.043.457	863.614.561
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	590.658.544	-
Lãi chậm thanh toán	-	178.612.934
Cộng	283.053.751.163	260.895.027.267

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	6.223.115.314	16.826.155.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	362.511.168	259.790.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	15.658.465.645
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.566.596.999)	(6.035.255.508)
Cộng	5.019.029.483	26.709.156.410



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.167.187.440	1.767.977.156
Chi phí vận chuyển	2.376.303.557	1.746.571.374
Chi phí khác	4.191.810.315	5.231.621.855
Cộng	7.735.301.312	8.746.170.385

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	21.071.443.003	20.916.065.220
Chi phí vật liệu quản lý	1.529.581.451	1.440.092.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.736.955.246	1.581.617.150
Thuế, phí và lệ phí	40.580.425.365	42.777.961.395
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(1.994.900.003)	7.217.925.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.885.428.915	20.649.732.497
Chi phí khác	3.159.118.680	4.382.363.463
Cộng	89.968.052.657	98.965.757.751

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tái sử dụng vật tư, phụ tùng	539.700.000	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	-	142.035.000
Thu nhập khác	48.958.856	128.074.825
Cộng	588.658.856	270.109.825

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tháo dỡ và xây dựng do giải phóng mặt bằng	-	1.285.921.754
Nộp tiền phạt	8.315.270	110.526.207
Chi phí khác	7.383.543	14.481.818
Cộng	15.698.813	1.410.929.779

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	273.559.290.265	371.952.715.586
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.709.497.881	238.215.439.614
Chi phí nhân công	49.251.050.717	51.631.311.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.299.388.251	45.962.062.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.710.060.886	90.336.195.425
Chi phí khác	42.748.733.246	61.341.506.610
Cộng	758.278.021.246	859.439.230.953

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giảm chi phí lãi vay tương ứng với lãi cho vay nhận được	1.682.235.373	6.743.792.244
Cần trừ khoản tiền lãi cho vay phải thu với công nợ phải trả	-	4.821.116.722

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	1.530.650.693	2.548.692.424
Trả trước tiền mua tài sản cố định	-	1.936.135.423

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	93.823.633.067	89.318.521.041
Trên 01 năm đến 05 năm	262.186.895.512	264.817.601.059
Trên 05 năm	182.932.208.428	212.568.273.639
Cộng	538.942.737.007	566.704.395.739

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành, quản lý. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	492.000.000	492.000.000
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	3.635.551.985	3.970.517.179
Cộng	4.127.551.985	4.462.517.179

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	Công ty con
Công ty Cổ phần Nam Dương Phú	Công ty con
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Công ty liên kết
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú	Công ty liên kết
Daewon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt may Nam Định	Công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	Công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Tổng Công ty May 10 – CTCP	Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Phước Lộc	Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Dệt vải Vinatex Quốc tế	Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
Công ty Cổ phần Sinnika Việt Nam	Công ty có liên quan với thành viên chủ chốt của Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tổng Công ty phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</i>		
Chia cổ tức	37.408.796.000	18.704.398.000
Lãi vay phải trả	4.761.491.633	16.724.562.998
Chi phí dịch vụ	495.778.683	492.326.686
Mua hàng hóa, nguyên liệu	7.619.048	-
<i>Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú</i>		
Mua hàng hóa, nguyên liệu	112.809.905.534	115.104.461.481
Mua dịch vụ	6.549.882.842	5.213.813.261
Bán hàng hóa, thành phẩm	40.300.935.249	103.276.683.634
Cung cấp dịch vụ	58.677.430.319	46.612.122.201
Cổ tức được chia	17.280.000.000	-
Lãi tiền thuê tài sản và lãi trả chậm phải thu	-	4.719.633.674
<i>Công ty Cổ phần Nam Dương Phú</i>		
Mua nguyên liệu	8.925.929.990	7.433.229.614
Bán hàng hóa, thành phẩm	1.176.137.849	2.232.979.018
Cung cấp dịch vụ	1.440.000	-
Góp vốn	-	14.400.000.000
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Lợi nhuận được chia	241.470.853.000	239.474.599.000
Bán hàng hóa, thành phẩm	428.736.938.986	412.604.223.874
Cung cấp dịch vụ	7.558.241.155	6.782.408.061
Cho thuê nhà xưởng	1.578.731.010	1.578.731.010
Mua nguyên liệu	214.555.746.036	191.299.627.360
<i>Công ty Cổ phần May Đà Lạt</i>		
Cổ tức được chia	423.101.711	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang		
Mua hàng hóa	11.412.587.220	8.562.708.725
Chi phí dịch vụ thuê nhà xưởng	1.016.443.362	529.350.882
Bán hàng hóa, thành phẩm	6.494.400.000	7.207.200.000
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương		
Chuyển lợi nhuận	6.743.147.000	4.928.359.333
Công ty Cổ phần Phước Lộc		
Cổ tức được chia	1.050.000.000	1.050.000.000
Mua hàng hóa, nguyên liệu	66.561.091.350	58.037.519.738
Bán hàng hóa, thành phẩm	52.852.872.125	43.999.309.892
Cung cấp dịch vụ	4.177.772.154	3.989.445.207
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Cổ tức được chia	7.200.000.000	7.200.000.000
Cung cấp dịch vụ	8.486.666.948	8.616.246.205
Công ty TNHH MTV Dệt vải Vinatex Quốc tế		
Lãi tiền thuê tài sản	1.682.235.373	2.024.158.570
Cung cấp dịch vụ	2.205.549.608	2.177.359.206
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế		
Cung cấp dịch vụ	2.432.368.631	239.944.245
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ		
Mua hàng hóa, nguyên liệu	-	10.631.817
Cung cấp dịch vụ	1.387.002.534	1.387.002.534
Công ty Cổ phần Sinnika Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.407.099.464	1.472.663.459
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Mua hàng hóa	143.463.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.13, V.19, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và tiêu thụ vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Các lĩnh vực khác: mua bán sợi và nguyên vật liệu sản xuất khác, dịch vụ giáo dục mầm non và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty được trình bày tại Phụ lục 03 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Tổng Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) và các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu nội địa	703.276.272.539	760.608.014.246
Doanh thu xuất khẩu	108.998.826.028	113.648.400.654
Cộng	812.275.098.567	874.256.414.900

4. Số liệu so sánh

4a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư 200.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tổng Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tổng Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước		Số liệu sau
		điều chỉnh	Điều chỉnh	điều chỉnh
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	685.113.735	685.113.735
Phải trả ngắn hạn khác	320	22.242.633.930	(685.113.735)	21.557.520.195



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính tổng hợp trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tổng Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng tổn thất thực tế vượt quá mức dự phòng đã trích lập là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tổng Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ mỗi 6 tháng.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Tổng Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc chưa xác định có yếu tố nào làm thay đổi đáng kể các giả định đang được sử dụng để xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng cung cấp và giải trình cho cơ quan thuế khi được yêu cầu.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài sự kiện đã trình bày tại thuyết minh số V.24d, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

7. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6077/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng Dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh (nay là phường Phước Long, TP. Hồ Chí Minh) giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, hai bên phải giao trả, chuyển giao những gì mà hai bên đã thỏa thuận của nhau trước đây và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau; thông báo cho các bên có liên quan về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; giải quyết các vấn đề phát sinh với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án do hai bên đã ký kết trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 18 tháng 12 năm 2021 và xét xử phúc thẩm vào ngày 08, 09 và 15 tháng 6 năm 2022 đã đưa ra phán quyết về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm chuyển nhượng là 348.779.619.741 VND. Theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND (xem thuyết minh số V.22).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 Tổng Công ty đã tiến hành giao tài sản dự án Khu nhà ở tại phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV. Ngày 22 và 24 tháng 01 năm 2025, Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV thu hồi các hóa đơn đã xuất cho Tổng Công ty liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng dự án để xóa bỏ theo hướng dẫn tại Văn bản số 12867/CTTPHCM-TTHT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh (nay là Thuế TP. Hồ Chí Minh). Hai bên thống nhất ghi nhận giá trị đầu tư vốn góp của Tổng Công ty theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 52/HĐHT-TCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 (xem thuyết minh số V.5b) và công nợ Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV còn phải trả cho Tổng Công ty là 55.241.292.415 VND. Liên quan đến việc thu hồi và xóa bỏ hóa đơn nêu trên, ngày 09 tháng 02 năm 2026, Tổng Công ty đã phát hành Công văn số 37/PP-TCKT gửi Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đề nghị hoàn trả số tiền 4.273.220.912 VND. Ngày 12 tháng 02 năm 2026, Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đã thanh toán đầy đủ khoản tiền này cho Tổng Công ty. Do đó, số dư công nợ Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV còn phải trả cho Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 50.968.071.503 VND (xem thuyết minh số V.5a).

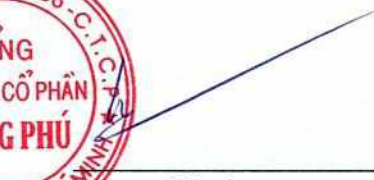
Đến nay Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 52/HĐHT-TCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty không bị tuyên hủy bỏ hay vô hiệu và các bên tham gia đều chưa yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hoặc thay đổi tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận. Hai bên đã có cuộc họp với các Sở Ngành và Chính quyền địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn các vướng mắc, khó khăn liên quan đến Dự án. Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Sở Xây dựng cũng có Văn bản hướng dẫn số 228/SXD-PTĐT ngày 07 tháng 7 năm 2025. Hiện tại Tổng Công ty và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV đang phối hợp thực hiện các nội dung theo hướng dẫn.

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng




Dương Khuê
Người đại diện theo pháp luật



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	18.709.723.616	-	10.062.177.418	-	(9.126.694.429)	(67.775.479)	19.577.431.126
Vay ngắn hạn ngân hàng	208.988.383.168	46.026.542.992	-	-	(208.988.383.037)	(7.785.131)	46.018.757.992
Vay ngắn hạn các cá nhân	67.723.591.655	-	-	906.309.001	(8.037.534.061)	-	60.592.366.595
Cộng	295.421.698.439	46.026.542.992	10.062.177.418	906.309.001	(226.152.611.527)	(75.560.610)	126.188.555.713

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thị Thúy
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng



Dương Khuê
Người đại diện theo pháp luật



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	746.708.910.000	32.368.276.001	-	457.277.635.476	159.163.511.985	1.395.518.333.462
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	247.862.234.850	247.862.234.850
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	34.896.001.000	(68.246.248.000)	(33.350.247.000)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(37.335.445.500)	(37.335.445.500)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(202.666.666)	(202.666.666)
Số dư cuối kỳ trước	746.708.910.000	32.368.276.001	-	492.173.636.476	301.241.386.669	1.572.492.209.146
Số dư đầu năm nay	746.708.910.000	32.368.276.001	-	492.173.636.476	353.933.404.384	1.625.184.226.861
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	323.131.767.461	323.131.767.461
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	65.977.268.000	(105.118.649.000)	(39.141.381.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ này	-	-	37.335.440.000	-	(37.335.440.000)	-
Chia cổ tức năm trước còn lại	-	-	-	-	(74.670.891.000)	(74.670.891.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(166.666.666)	(166.666.666)
Số dư cuối kỳ này	746.708.910.000	32.368.276.001	37.335.440.000	558.150.904.476	459.773.525.179	1.834.337.055.656

Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Thị Thúy
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng



Dương Khuê
Người đại diện theo pháp luật



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	382.046.198.392	430.228.900.175	-	812.275.098.567
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	382.046.198.392	430.228.900.175	-	812.275.098.567
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	 78.937.670.407	 72.762.760.883	 -	 151.700.431.290
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(97.703.353.969)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				53.997.077.321
Doanh thu hoạt động tài chính				283.053.751.163
Chi phí tài chính				(5.019.029.483)
Thu nhập khác				588.658.856
Chi phí khác				(15.698.813)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(9.472.991.583)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				323.131.767.461
 Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	 5.921.875.702	 11.106.124.318	 -	 17.028.000.020
 Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	 32.018.528.986	 17.752.945.367	 -	 49.771.474.353
 Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	 (34.129.017)	 (1.994.900.003)	 -	 (2.029.029.020)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	365.848.349.259	508.408.065.641	-	874.256.414.900
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	365.848.349.259	508.408.065.641	-	874.256.414.900
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.269.130.478	52.259.981.605	-	122.529.112.083
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(107.711.928.136)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				14.817.183.947
Doanh thu hoạt động tài chính				260.895.027.267
Chi phí tài chính				(26.709.156.410)
Thu nhập khác				270.109.825
Chi phí khác				(1.410.929.779)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				247.862.234.850
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	53.990.166.906	597.220.000	-	54.587.386.906
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	33.874.956.829	17.073.630.636	-	50.948.587.465
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(23.211.843)	7.241.137.581	-	7.217.925.738



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	673.489.882.157	658.019.215.644	-	1.331.509.097.801
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.324.302.189.641
Tổng tài sản				2.655.811.287.442
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	318.226.015.712	323.620.381.325	-	641.846.397.037
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1.015.075.518	12.076.358.906	-	12.585.193.745
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				167.042.641.004
Tổng nợ phải trả				821.474.231.786
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	642.484.123.785	679.099.122.758	-	1.321.583.246.543
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	1.170.812.893	-	1.170.812.893
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.280.428.124.676
Tổng tài sản				2.603.182.184.112
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	487.305.934.633	343.434.392.551	-	830.740.327.184
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	26.604.093	2.960.152.782	-	2.986.756.875
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				144.270.873.192
Tổng nợ phải trả				977.997.957.251

Nguyễn Thị Thúy
Người lập

Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Dương Khuê
Người đại diện theo pháp luật

